

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 88/2018/HSST
Ngày: 17/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hương

- Bà Nguyễn Thị Lượng

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Tùng - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST-QĐ ngày 05/4/2018 đối với các bị cáo:

1/ Lê Hồng Q, sinh năm 1985; tại tỉnh B; Hộ khẩu thường trú: A, Khu phố B, phường B1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: tổ A, khu phố K, phường T, thị xã T1, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn Nh và bà Phạm Thị Ng; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/02/2017 cho đến nay. (Có mặt).

2/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; tại HY; thường trú: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay (Có mặt).

3/ Nguyễn Thành L, sinh năm 1992; tại tỉnh B; Hộ khẩu thường trú: thôn C, xã C1, huyện P, tỉnh B; tạm trú: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không rõ và bà Nguyễn Thị Ph; vợ tên Lê Thị Phương Th; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/01/2017 cho đến nay (Có mặt).

4/ Đỗ Văn H, sinh năm 1990; tại TH; hộ khẩu thường trú: xóm P, xã T, huyện H, tỉnh TH; tạm trú: A tỉnh lộ B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn Th và bà Đặng Thị Tr; vợ tên Lê

Thị H; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay (Có mặt).

5/ Lâm H, sinh năm 1995; tại tỉnh S; hộ khẩu thường trú: ấp TĐ, xã TH, huyện LP, tỉnh S; tạm trú: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà Trịnh Thị M; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay. (Có mặt).

6/ Lê Văn T, sinh năm 1987; tại B; hộ khẩu thường trú: ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh B; chỗ ở: A đường B, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Minh Th và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ tên Nguyễn Thị Ph; tiền án: không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2017 cho đến nay (Có mặt).

- Người bị hại

1/ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: A Quốc lộ B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Anh Trần Văn U1, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Hẻm M, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P 2, xã H, huyện M, tỉnh S.

4/ Anh Trần Thiện Tr, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Anh Trần Văn Ng, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện P, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Trần Thị Diễm S, sinh năm 1996 (Có mặt).

Nơi cư trú: A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Anh Phạm Văn D, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện M1, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 28/11/2016, Trần Thị Diễm S và Huỳnh Thị Ngọc L làm phục vụ tại quán Karaoke “LA” thuộc phường B, Thị xã D, tỉnh D có xảy ra mâu thuẫn xô xát với nhau. Sau đó, S và Nguyễn Thị T (là bạn làm chung với S) đi ra quán cà phê “HT” tại số A, khu phố B, phường B, quận T và S gọi điện thoại cho bạn trai Nguyễn Văn T đến. T điều khiển xe Exciter biển số 83P2-19057 đến quán cà phê “HT” gặp S. Khi đó, S điện thoại cho L bảo đến quán cà phê “HT” nói chuyện. Lúc này, L kêu bạn trai của L là Trần Minh H đến giải quyết. H gọi điện rủ Nguyễn Văn H1 đi cùng đến quán Karaoke “LA”. Lúc đi, H điều khiển xe Exciter 150 (không rõ biển số) còn Nguyễn Văn H1 điều khiển xe Sirius đồ đen (không rõ biển số) chở L ngồi sau đến quán cà phê “HT”. Đến quán, L tay phải cầm cục đá xanh và tay trái cầm khúc gỗ vuông đi vào quán

cà phê “HT”. Thấy S, L ném cục đá vào người S nhưng không trúng, L chọi khúc gỗ trúng vào bụng T nên T, S và T xông vào dùng tay đánh L. Thấy vậy, H và H1 xông vào đánh T rồi H, L và H1 lấy xe chạy ra trước quán cà phê “HT” thì bị T, T và S đuổi theo chặn lại. H1 tay phải cầm khúc gỗ nhét bên đường đánh 01 cái vào vai trái của T. Lúc này, Lê Hoàng Q (là bạn ngoài xã hội của H) đang nhậu trong quán “A” bên cạnh quán HT thấy vậy đi ra dùng bình xịt hơi cay xịt vào mặt T còn H và H1 xông vào dùng cây gỗ đánh nhiều cái vào đầu, người T gây thương tích nên T, S và T bỏ chạy đến cổng sau Khu chế xuất L2, đường A, phường B, quận T. Sau đó, T gọi điện thoại cho Trần Văn U đến quán cà phê “HT” để giúp T đánh với nhóm của L; S gọi điện thoại cho anh ruột của S là Trần Thiện Tr đến. Tr gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh T và anh của T là Nguyễn Văn Tr đến; Út gọi điện thoại cho bạn là Phạm Văn D, Nguyễn Văn D1, Trần Văn Ng đến. Sau đó T, S, U, Tr, T1, D, Ng, D1, Tr1 đến quán cà phê “HT” tìm nhóm của L, H và H1 để đánh để đánh nhau.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Lê Hoàng Q từ quán “A” đi ra thấy nhóm của S, Tđang tìm H, L và H1 nên gọi điện thoại cho H, H1 biết và hẹn ra quán “HT” để bàn đánh nhau với nhóm của S. Q vào quán HT gặp H và H1 nói “Tụi nó quần lại, giờ sao bạn”, H1, H1 nói “Chơi lại chúng nó”. Q liền gọi điện cho bạn là Nguyễn Thành L và D (không rõ lai lịch) nói mình có chuyện đánh nhau, đến quán HT giúp. H gọi điện cho Huỳnh Quốc Đ, Lê Văn Tr, Đỗ Văn H, Lâm H2, và Th, V (không rõ lai lịch) (là bạn của H) đến quán cà phê “HT” để bàn đánh nhóm của S. Tại quán “HT”, H nói “Tụi nó đến thì các bạn không bỏ chạy nha” và chia ra làm hai nhóm, nhóm của H có L, H2, D, Đ sẽ chặn cửa sau quán HT; nhóm của Q có V, Th, H, H và Tr ra cổng trước của quán HT. Bàn bạc xong, Q đi vào nhà vệ sinh quán “HT” đem 01 bao hung khí gồm dao, túp sấp ra đưa cho mọi người. Q đưa cho H1 01 con dao tự chế dài khoảng 60cm, D cầm 01 con dao tự chế dài khoảng 60cm, H cầm 01 con dao dài khoảng 60cm, L cầm 01 con dao (loại thái chuối) dài khoảng 60cm, Tr cầm 01 cây sắt vuông dài khoảng 1m, Đ cầm cây sắt dài khoảng 1m, H cầm 01 cây sắt vuông dài khoảng 1m, H cầm 01 cây cuốc cán bằng gỗ dài khoảng 1m, lưỡi bằng kim loại, Q tay phải cầm 01 dao tự chế, còn tay trái cầm 01 bình xịt hơi cay. Cùng lúc này, khi T, S, U, Tr, T1, D, Ng, D, Tr đi trên 04 xe mô tô đến trước quán cà phê “HT”. Thấy vậy, H la lên “Tụi nó tới kìa”, Q liền cầm bình xịt hơi cay xông ra xịt vào người T, U, D. H cầm dao tự chế bằng kim loại đâm 01 nhát vào cánh tay trái của T gây thương tích. L cầm dao tự chế bằng kim loại xông vào chém 01 nhát vào cánh tay trái của U gây thương tích. L tiếp tục chém 01 nhát vào đùi của D gây thương tích. D cầm 01 dao tự chế xông vào chém D gây thương tích thì bị D dùng dao chém lại vào tay D gây thương tích, làm D bị rớt dao xuống đất, D lao vào ôm D thì bị Ng cầm cây rựa chém vào lưng của D. Thấy vậy, Q cầm dao tự chế xông vào chém Ng từ trên xuống Ng đưa dao lên đỡ rồi bỏ chạy thì bị H tay phải cầm dao tự chế chém 01 nhát vào vai trái và 01 nhát vào cánh tay trái. H tiếp tục cầm dao chém Tr từ trên xuống Tr đưa tay trái lên đỡ làm lưỡi dao chém trúng cổ tay, Tr tay phải cầm sợi dây xích bằng kim loại dài khoảng 50cm đánh lại H1 nhưng không trúng rồi Tr bỏ chạy. Q xông vào cầm dao chém D vào bụng làm D té ngã xuống đường. Lúc này, Tr cầm 01 cây sắt rỗng, Đ cầm 01 cây sắt vuông, H cầm 01 cây sắt tròn, H cầm 01 cây cuốc, Th và V cầm dao đuổi đánh Tr, T, Ng, Tr, S bỏ chạy. Q thấy D bị ra nhiều máu nên đưa D đi Bệnh viện đa khoa tỉnh BD cấp cứu và vứt dao, bình xịt hơi cay vào bụi cây trước nhà số A đường B, khu phố C, phường B, quận T. Còn T, Ng, Tr, U, D được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa HH thuộc phường B, Thị xã T, tỉnh B.

+ Căn cứ vào Bản kết giám định pháp y số 891 ngày 27/12/2016 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y Tế, Thành phố H kết luận thương tích của Nguyễn Văn D:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng cánh chậu phải gây đứt cơ cánh chậu, mẻ xương cánh chậu, đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn sẹo kích thước 9 x 0,15cm. có tỷ lệ 08%.

- Vết thương mặt sau 1/3 dưới cẳng tay phải gây đứt cơ tam đầu, mẻ đầu dưới xương cánh tay, đã được khâu cơ, khâu vết thương bảo tồn, hiện còn sẹo, kích thước 6,5 x 0,2cm, ổn định. Có tỷ lệ 02%.

- Vết thương mặt sau 1/3 trên cẳng tay trái, đã được điều trị, hiện còn sẹo, kích thước 5,5 x 0,2cm, có tổn thương nhẹ thần kinh gian cốt sau trên diện cơ đồ, không rối loạn vận động trên lâm sàng. Có tỷ lệ 07%.

- Vết thương mặt mu các ngón III, IV bàn tay trái gây đứt gân duỗi ngón III, IV, gãy đốt giữa ngón IV, đã được điều trị kết hợp xương, khâu gân, hiện còn sẹo tại ngón III đến gốc ngón II, kích thước 6,2 x 0,15cm, sẹo tại ngón IV kích thước 6 x 0,1cm cứng khớp các ngón III, IV. Sẹo ngón III có tỷ lệ 07%. Sẹo ngón IV có tỷ lệ 06%.

- Vết thương mặt trước cẳng chân trái gây đứt cơ chày trước, đã được điều trị, hiện còn sẹo kích thước 7,3 x 0,15 cm. Có tỷ lệ 02%.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%.

3. Kết luận khác: các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn gây ra.

+ Căn cứ vào Bản kết giám định pháp y số 931 ngày 23/01/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y Tế, Thành phố H kết luận thương tích của Trần Văn U:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy hở mỏm khuỷu tay trái đã được phẫu thuật kết hợp xương, hiện còn sẹo kích thước 14 x 0,15 cm tại sau khuỷu tay, hiện còn cứng khớp khuỷu.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 28%.

3. Kết luận khác: các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra.

+ Căn cứ vào Bản kết giám định pháp y số 99 ngày 27/02/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y Tế Thành phố H kết luận thương tích của Trần Văn Ng:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn:

+ Một sẹo kích thước 6,3 x 0,2 cm tại trán trái, ảnh hưởng thẩm mỹ. Có tỷ lệ 07%.

+ Một sẹo kích thước 3,5 x 0,15 cm tại sau vai trái. Có tỷ lệ 02%.

+ Một sẹo kích thước 6,5 x (0,1-0,3) cm tại mặt sau 1/3 giữa cẳng tay trái. Có tỷ lệ 02%.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11%.

3. Kết luận khác: các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn gây ra.

+ Căn cứ vào Bản kết giám định pháp y số 895 ngày 27/12/2016 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y Tế, Thành phố H kết luận thương tích của Nguyễn Văn T:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa vết thương phần mềm đã được điều trị, hiện còn:

+ Không còn bầm tụ máu vùng mắt phải, không rối loạn chức năng. Có tỷ lệ 0%.

+ Một vết tăng giảm sắc tố da phẳng kích thước 1,4 x 0,3 cm tại vùng ngực trái. Có tỷ lệ 01%.

+ Một sẹo kích thước 2,4 x (0,2-0,4) cm tại mặt sau ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái. Có tỷ lệ 02%.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%.

3. Kết luận khác:

- Thương tích tại vùng mắt phải do vật tày tác động.
- Thương tích tại vùng ngực trái và 1/3 dưới cánh tay trái do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

+ Căn cứ vào Bản kết giám định pháp y số 130 ngày 07/3/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y Tế Thành phố H kết luận thương tích của Trần Thiện Tr:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm tạo vết tăng sắc tố da phẳng kích thước 11 x (0,1-0,2) cm tại vùng dưới trong bả vai trái. Có tỷ lệ 02%.

- Vết thương mặt trước cổ tay trái gây đứt gân gấp ngón cái dài, gân gấp ngón II, III, gân gấp cổ tay quay, gân gan tay dài, đứt động mạch quay, đứt thần kinh giữ, đã được điều trị khâu động mạch quay tận tận, khâu thần kinh giữ, khâu gân, hiện còn vết thương chưa cắt chỉ tại cổ tay kích thước 11 x 0,1cm, không hẹp lòng động mạch quay, chưa vận động được các ngón tay do tổn thương nặng thần kinh giữa. Có tỷ lệ 20%.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 22%.

3. Kết luận khác:

- Thương tích tại bả vai trái do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc nhọn gây ra.

- Thương tích tại mặt trước cổ tay trái do vật sắc, vật sắc nhọn gây ra.

+ Vật chứng vụ án:

- 01 cây sắt rồng vuông kích thước 1,5 cm, dài 1m sơn màu xanh trắng;
- 01 dao bằng kim loại dài 26 cm;
- 01 con dao cán gỗ tròn dài 23 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm;
- 01 dao cán gỗ dài 15,1 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37,3cm.

+ Về trách nhiệm dân sự:

- Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng;
- Nguyễn Văn D yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng;
- Trần Văn U yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng;
- Trần Thiện Tr yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng;
- Trần Văn Ng yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 08/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố các bị cáo Lê Hồng Q, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thành L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm b, đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm a, đ Khoản 1) của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo Lê Văn Tr, Đỗ Văn H và Lâm H2 về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại

Điểm b, đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm đ Khoản 1) của Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”, áp dụng điểm b, đ Khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a, đ khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cùng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo:

1/ Lê Hồng Q từ 03 đến 04 năm tù.

2/ Nguyễn Văn H1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

3/ Nguyễn Thành L từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 (thuộc trường hợp điểm đ khoản 1) Điều 134; Khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cùng các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo:

4/ Đỗ Văn H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

5/ Lâm H2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

6/ Lê Văn Tr2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo về việc bồi thường trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo và những người bị hại. Qua đó buộc bị cáo liên đới bồi thường cho những người bị hại nhưng căn cứ vào vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng như các bị cáo trực tiếp gây thương tích có trách nhiệm bồi thường cụ thể như sau: Buộc bị cáo Q bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng. Buộc bị cáo H1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Thiện Tr số tiền 30.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo bồi thường 40.000.000 đồng, đến nay bị cáo H1 đã bồi thường cho anh Trần Thiện Tr 5.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng tiếp tục bồi thường cho anh Ng, anh Tr và anh T. Buộc bị cáo Nguyễn Thành L có trách nhiệm bồi thường cho Trần Văn U số tiền 40.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng 55.000.000 đồng, hiện nay bị cáo Tr tự nguyện bồi thường cho anh U số tiền 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 52.000.000 đồng buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho những người bị hại anh U, anh D và anh T là phù hợp pháp luật. Trong vụ án này đối tượng Trần Minh H là người trực tiếp gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T nhưng hiện nay đã bỏ trốn. Vì vậy cần buộc các bị cáo Q, H1 và L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T số tiền 20.000.000 đồng và dành quyền khởi kiện cho các bị cáo đối với Trần Minh H về số tiền trên bằng một vụ án dân sự khác là phù hợp pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018; Căn cứ Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Để áp dụng những quy định pháp luật có lợi cho bị cáo nên việc Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức áp dụng Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng biên bản hiện trường, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/11/2016, Trần Minh H sử dụng hung khí nguy hiểm là 01 con dao tự chế dài khoảng 60 cm chém vào mặt sau ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái của Nguyễn Văn T và dùng tay đánh vào ngực T gây thương tích là 01%. Tổng thương tích H gây cho T là có tỷ lệ 03%. Nguyễn Văn H1 sử dụng hung khí nguy hiểm là 01 con dao tự chế dài khoảng 60cm chém 01 nhát vào vai trái và 01 nhát vào cánh tay trái của Trần Văn Ng gây thương tích có tỷ lệ 04%. H1 tiếp tục cầm dao chém vào cổ tay trái của Trần Thiện Tr gây thương tích có tỷ lệ 20%. Tổng thương tích H1 gây ra cho Ng và Tr có tỷ lệ là 24%. Nguyễn Thành L sử dụng hung khí nguy hiểm là 01 con dao (loại thái chuối) dài khoảng 60cm chém 01 nhát vào mồm khuỷu tay trái của Trần Văn U gây thương tích có tỷ lệ 28%. L tiếp tục chém 01 nhát vào mặt trước cẳng chân trái của Nguyễn Văn D gây thương tích có tỷ lệ là 02%. Tổng thương tích Luân gây ra cho U và D có tỷ lệ là 30%. Lê Hồng Q sử dụng hung khí nguy hiểm là 01 con dao tự chế dài khoảng 60 cm chém 01 nhát vào vào bụng của Nguyễn Văn D gây thương tích có tỷ lệ 08%. Q tiếp tục cầm dao chém vào vùng trán trái của Trần Văn Ng gây thương tích có tỷ lệ 07%. Tổng thương tích Q gây ra cho Ng và D có tỷ lệ là 15%. Còn Lê Văn Tr cầm 01 cây sắt rỗng, L, H2 cầm 01 cây sắt tròn, Đỗ Văn H cầm 01 cây cuốc đuổi đánh Tr, T, Ng, Tr, S nhưng không đánh được. Hành vi trên của Trần Minh H, Lê Hồng Q, Nguyễn Thành L, Nguyễn Văn H, Lê Văn Tr, Lâm H, Đỗ Văn H2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, được quy định tại Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tội phạm mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những đã cố ý xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Chỉ vì xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày, các bị cáo đã sử dụng nhiều loại hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho nhiều người với tỷ lệ thương tật từ 01% đến 28% tạm thời, tổng cộng thương tích cho những người bị hại là 92% thương tật tạm thời. Hành vi của bị cáo thể hiện sự hung hãn, xem thường pháp luật, kỷ cương của Nhà nước.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức là có căn cứ vì các bị cáo đã bàn bạc, thống nhất và phân công, chia nhóm để cùng thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, đối tượng H là người cầm đầu, rủ rê, gọi xướng; bị cáo Lê Hồng Q chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, các bị cáo Lê Hồng Q, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thanh H1 đã cùng với Trần Minh H trực tiếp gây thương tích cho những người bị hại; đối với Lê Văn Tr, L, H và Đỗ Văn H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Vì vậy, cần xử phạt mức án nghiêm trọng xứng với hành vi và hậu quả cũng như vai trò của các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên cũng xem xét bản thân các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn xem xét bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Lê Văn Tr đã tự nguyện bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại anh Trần Thiện T và anh Trần Văn U. Các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bên cạnh đó cũng xem xét thêm bị cáo Q sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú. Tại phiên tòa những người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra cũng xem xét trong vụ án này có một phần lỗi của người bị hại đó là những người bị hại đã chuẩn bị hung khí đến quán cà phê HT để đánh nhau với các bị cáo nên dẫn đến sự việc xảy ra như trên nên. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo phù hợp với vai trò của các bị cáo trong vụ án là phù hợp pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Đối với người tên D (không rõ lai lịch) dùng dao chém gây thương tích cho Nguyễn Văn D. Khi nào xác định sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Minh H đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức ra quyết định truy nã và Tạm đình chỉ bị can đối với H. Khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Huỳnh Thị Ngọc L có hành vi đánh ly bia vào đầu S và dùng tay chọi cục đá vào người T nhưng không gây thương tích. Huỳnh Quốc Đ là người rủ Tr, H, H1, Th và V đến đánh nhau với nhóm của T và S. Hiện nay chưa xác định L, Đ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức tách ra xử lý riêng. Khi nào xác định sẽ xử lý sau.

Đối với người tên Th và V (không rõ lai lịch). Khi nào xác định sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn D và Trần Văn Ng có hành vi dùng dao chém Đ gây thương tích. Hiện nay chưa xác định Đ ở đâu và có tỷ lệ thương nhưng thế nào. Do đó, không có căn cứ xử lý D và U về tội Cố ý gây thương tích.

Đối Nguyễn Văn T, Trần Thị Diễm S, Trần Văn U, Trần Thiện Tr, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn D, Trần Văn Ng, Phạm Văn D, Nguyễn Văn Tr có hành vi gọi điện rủ nhau và chuẩn bị công cụ để nhau. Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận Thủ Đức đã tách ra để xử lý về hành vi gây rối sau.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên L, có dấu hiệu đồng phạm trong vụ án nhưng chưa xác định được lai lịch và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Thủ Đức tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy những công cụ phạm tội đã hết giá trị sử dụng gồm:

- 01 cây sắt rỗng vuông kích thước 1,5cm, dài 1m sơn màu xanh trắng;
- 01 dao bằng kim loại dài 26cm;
- 01 con dao cán gỗ tròn dài 23cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35cm;
- 01 dao cán gỗ dài 15,1cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37,3cm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay những người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền cụ thể như sau: Nguyễn Văn T yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng; Nguyễn Văn D yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng; Trần Văn U yêu cầu bồi thường 40.000.000 đồng; Trần Thiện Tr yêu cầu bồi thường 30.000.000 đồng; Trần Văn Ng yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng. Tại phiên

tòa các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể như sau:

Buộc bị cáo Q bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng.

Buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Thiện Tr số tiền 30.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo bồi thường 40.000.000 đồng, đến nay bị cáo H đã bồi thường cho anh Trần Thiện Tr 5.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng tiếp tục bồi thường cho anh Ng, anh Tr và anh T.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L có trách nhiệm bồi thường cho Trần Văn U số tiền 40.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng 55.000.000 đồng, hiện nay bị cáo Tr tự nguyện bồi thường cho anh U số tiền 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 52.000.000 đồng buộc bị cáo L tiếp tục bồi thường cho những người bị hại anh U, anh D và anh T là phù hợp pháp luật.

Trong vụ án này đối tượng Trần Minh H là người trực tiếp gây thương tích cho anh Nguyễn Văn T nhưng hiện nay đã bỏ trốn. Vì vậy cần buộc các bị cáo Q, H1 và L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh T số tiền 20.000.000 đồng và dành quyền khởi kiện cho các bị cáo đối với Trần Minh H về số tiền trên bằng một vụ án dân sự khác là phù hợp pháp luật.

[4] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Lê Hồng Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành L, Đỗ Văn H, Lâm H1 và Lê Văn Tr phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng Điểm b, đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm a, đ Khoản 1); Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2017.

Áp dụng Điểm b, đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm a, đ Khoản 1); Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/07/2017 .

Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm đ Khoản 1); Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2017.

Xử phạt bị cáo Lâm H2 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/07/2017.

Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp Điểm đ Khoản 1); Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Lê Văn Tr 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Hồng Q có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Văn Ng số tiền 5.000.000 đồng; bồi thường cho anh Trần Thiện Tr số tiền 25.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo bồi thường 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L có trách nhiệm bồi thường cho Trần Văn U số tiền 37.000.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 10.000.000 đồng; bồi thường cho Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng. Tổng cộng 52.000.000 đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Các bị cáo Q, H1 và L được quyền khởi kiện đối với Trần Minh H bằng một vụ án dân sự đối với số tiền 20.000.000 đồng mà các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Tài.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương đương với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 cây sắt rồng vuông kích thước 1,5 cm, dài 1m sơn màu xanh trắng;
- 01 dao bằng kim loại dài 26 cm;
- 01 con dao cán gỗ tròn dài 23cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm;
- 01 dao cán gỗ dài 15,1cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 37,3cm.

(Theo phiếu nhập kho số NKT2018/86, ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức).

Án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Hoàng Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thành L, Đỗ Văn H2, Lâm H3 và Lê Văn Tr mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Hồng Q phải nộp 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải nộp 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải nộp 2.600.000 (hai triệu sáu trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Bị cáo, Người bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKS, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu